TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/DS-ST
Ngày: 22-11-2019
Về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hồng Hải

2. Ông Hồ Văn Bún

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty T. Địa chỉ: Tòa nhà R, số X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyện đơn: Ông Trần Trường Gi, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà G, số X1, Phường Y1, quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp Q, xã Tr, V, tỉnh Long An.

Ông Gi có mặt, ông Nh vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về yêu cầu và ý kiến của các đương sự:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2019, Công ty T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng giải quyết buộc ông Lê Văn Nh trả một lần toàn bộ nợ vay bao gồm nợ gốc là 44.142.042 đồng và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký

tính từ ngày vay đến hết ngày 11/01/2019 là 33.987.958 đồng và lãi chậm thi hành án.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/9/2019, ông Nh thừa nhận có vay tiền của công ty và hứa trả trong thời hạn một tháng nhưng không thực hiện.

- Về các tình tiết cụ thể của vụ án được đương sự trình bày trong bản tự khai, biên bản hòa giải không được như sau:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 08/01/2016 ông Nh có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (sau đây viết tắc là HĐTD) số 20160109-103021-0949 với công ty T, số tiền vay 48.134.508 đồng, lãi suất thỏa thuận 4,16%/tháng, thời hạn thanh toán nợ là trả chậm rong vòng 36 tháng từ ngày 11/02/2016 đến ngày 11/01/2019 (35 tháng đầu mỗi tháng trả 2.605.000 đồng, tháng cuối của kỳ trả 2.585.000 đồng); Mục đích vay vốn: tiêu dùng cá nhân. Ngày 11/01/2016 công ty giải ngân số tiền vay theo hợp đồng nêu trên, ông Nh đã nhận tiền trực tiếp tại Bưu điện Vĩnh Hưng là 18.000.000 đồng (công văn số 3796/BĐVN-TTĐS ngày 04/9/2019 đã xác nhận nội dung này), số tiền còn lại chuyển trả nợ cho ông Nh theo văn bản thỏa thuận lập ngày 08/01/2016.

Kể từ ngày giải ngân đến nay ông Nh đã thanh toán cho công ty 06 lần với tổng số tiền 15.630.000 đồng, mỗi lần ông Nh thanh toán đúng và đủ số tiền như cam kết là 2.605.000 đồng (đối chiếu với kế hoạch trả nợ thì ông Nh đã trả được 3.992.466 đồng gốc và 11.637.534 đồng lãi) và kể từ đó đến nay, ông Nh không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào, tính đến hết ngày 11/01/2019, ông Nh đã vi phạm toàn bộ hợp đồng nên ông Nh còn nợ lại 44.142.042 đồng gốc và 33.987.958 đồng lãi. Ông Nh nhiều lần hứa trả nợ nhưng không thực hiện nên Công ty T đã khởi kiện ông Nh.

Bị đơn trình bày: Thống nhất có vay tiền của nguyên đơn theo như thỏa thuận trong giấy vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160109-103021-0949 ngày 08/01/2016, ông đã trả được 6 lần với số tiền 15.630.000 đồng như nguyên đơn trình bày, cụ thể tiền gốc và lãi ông không nhớ cụ thể, nay chỉ xin trả nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Công ty T khởi kiện ông Nh vì ông Nh vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong giấy vay vốn kiêm HĐTD số 20160109-103021-0949 ngày 08/01/2016. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, đồng thời ông Nh có nơi cư trú tại huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông Nh đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nh.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Về việc giao kết hợp đồng: Bị đơn thừa nhận có ký kết hợp đồng vay vốn với nguyên đơn, cụ thể là giấy đăng ký vay vốn số 20160109-103021-0949 ngày 08/01/2016; Tại thời điểm ký giấy vay vốn ông Nh là người đã trưởng thành, không mắc các bệnh làm mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, có căn cứ xác định giấy đăng ký vay vốn số 20160109-103021-0949 ngày 08/01/2016 giữa Công ty và ông Nh là có thật và phù hợp với quy định tại khoản 16, Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 463 Bộ luật dân sự nên các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng như đã cam kết.

- Xét việc thực hiện hợp đồng: Theo cam kết trong HĐTD số 20160109-103021-0949 ngày 08/01/2016 thì tổng nợ vay là 48.134.508 đồng, ông Nh có nghĩa vụ thanh toán tổng nợ gốc và lãi theo hợp đồng trong thời hạn 36 tháng (Ngày 11 hàng tháng trả gốc và lãi là 2.605.000 đồng, riêng tháng cuối trả 2.585.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 11/02/2016 đến 11/01/2019) nhưng ông Nh chỉ thanh toán được cho công ty đến ngày 02/8/2016 với số tiền 15.630.000 đồng và từ đó đến nay ông Nh không trả thêm số tiền nào khác. Như vậy, có căn cứ xác định ông Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong HĐTD nên Công ty T khởi kiện yêu cầu ông Nh trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Xét về số tiền nợ gốc: Công ty và ông Nh đều xác định ông Nh đã trả được sáu đợt với số tiền là 15.630.000 đồng; Đối chiếu với bản kế hoạch trả nợ và lịch sử trả nợ của ông Nh thì ông Nh đã trả được các đợt như sau:

Ngày 11/02/2016 trả 599.395 đồng gốc, 2.005.605 đồng lãi (ông Nh trả ngày 02/02/2016).

Ngày 11/3/2016 trả 624.370 đồng, 1.980.630 đồng lãi (ông Nh trả ngày 21/3/2016).

Ngày 11/4/2016 trả 650.385 đồng, 1.954.615 đồng lãi (ông Nh trả ngày 17/4/2016).

Ngày 11/5/2016 trả 677.485 đồng, 1.927.515 đồng lãi (ông Nh trả ngày 28/5/2016).

Ngày 11/6/2016 trả 705.713 đồng, 1.899.287 đồng lãi (ông Nh trả ngày 04/7/2016).

Ngày 11/7/2016 trả 735.118 đồng, 1.869.882 đồng lãi (ông Nh trả ngày 02/8/2016).

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc đã trả là 3.992.466 đồng, nợ lãi đã trả là 11.637.534 đồng (15.630.000 đồng – 3.992.466 đồng) nên tiền nợ gốc còn lại là 44.142.042 đồng.

- Xét về tiền nợ lãi: Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì mức lãi suất áp dụng đối với khoản vay trong hạn là 4,16%/tháng, nợ lãi đến ngày 11/01/2019 là: 45.625.492 đồng, sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả là 11.637.534 đồng thì còn nợ lại tiền lãi là 33.987.958 đồng, đây là mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên ông Nh phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi này. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng mà chỉ yêu cầu tính lại chậm thi hành án theo quy định pháp luật, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên được ghi nhận.

- Đối với ý kiến của ông Nh về việc không đồng ý trả lãi là không phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên đã quá hạn thanh toán nên ông Nh phải trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của ông Nh không được chấp nhận.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T về việc buộc ông Nh phải trả nợ gốc và lãi là 78.130.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

Buộc ông Lê Văn Nh phải trả cho Công ty T số tiền nợ gốc và lãi đến ngày 11/01/2019 là 78.130.000 (bảy mươi tám triệu, một trăm ba mươi ngàn) đồng, trong đó nợ gốc là 44.142.042 (bốn mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm bốn mươi hai) đồng, nợ lãi là 33.987.958 (ba mươi ba triệu, chín trăm tám mươi bảy ngàn, chín trăm năm mươi tám) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Lê Văn Nh phải chịu 3.906.500 (ba triệu, chín trăm lẻ sáu ngàn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho Công ty T 1.953.000 (một triệu, chín trăm năm mươi ba ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 23/8/2019 theo biên lai thu tiền số 0004575.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu